CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012

Thành viên hãng *AGN International* / Member Firm of *AGN* International
Kiểm toán/Audit . *Kế toán*/Accounting . *Tư vấn thuế*/Tax Consulting . *Tài chính*/Finance

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Minh Trang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên
Ông Louis T. Nguyễn	Thành viên
Ông Lê Toàn	Thành viên
Ông Võ Hữu Thiện	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Quới	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Ngọc Quới	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Kim Cúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SA VIMEX

Bùi Ngọc Quới
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3005/2012/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được lập ngày 29 tháng 08 năm 2012 từ trang 4 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

M.S.D.N: 0101177123 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ - Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0747/KTV
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1741/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**605.237.922.749**	**545.023.269.354**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**94.444.017.896**	**71.593.131.813**
1. Tiền	111		43.202.017.896	15.433.931.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.242.000.000	56.159.200.000
III. Các khoản phải thu	**130**		**113.467.990.992**	**101.243.879.699**
1. Phải thu khách hàng	131		111.282.248.744	85.582.642.559
2. Trả trước cho người bán	132		29.756.915.802	39.457.153.928
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	7.281.961.112	11.122.455.735
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(34.853.134.666)	(34.918.372.523)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.4**	**383.223.058.639**	**358.081.237.286**
1. Hàng tồn kho	141		385.420.622.325	360.278.800.972
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.197.563.686)	(2.197.563.686)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**14.102.855.222**	**14.105.020.556**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.556.974.664	93.360.126
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.599.655.389	9.833.701.418
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	3.006.819.650	2.901.668.565
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.939.405.519	1.276.290.447
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**86.991.528.102**	**81.170.534.912**
II. Tài sản cố định	**220**		**57.867.495.581**	**54.464.220.437**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	52.713.194.282	49.284.292.349
- Nguyên giá	*222*		*128.557.468.550*	*120.681.926.031*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(75.844.274.268)*	*(71.397.633.682)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.154.301.299	5.179.928.088
- Nguyên giá	*228*		*6.610.683.449*	*6.504.433.449*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.456.382.150)*	*(1.324.505.361)*
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.9**	**1.926.254.825**	**1.987.330.367**
- Nguyên giá	241		3.515.187.507	3.515.187.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.588.932.682)	(1.527.857.140)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**11.275.454.130**	**11.461.120.914**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	5.536.000.000	5.536.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	12.662.040.741	12.662.040.741
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.11	(6.922.586.611)	(6.736.919.827)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**15.922.323.566**	**13.257.863.194**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	15.442.323.566	13.257.863.194
3. Tài sản dài hạn khác	268		480.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**692.229.450.851**	**626.193.804.266**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**411.828.233.258**	**339.942.493.045**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**380.547.700.118**	**289.452.170.940**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	76.238.316.944	104.838.825.407
2. Phải trả người bán	312		78.356.252.484	73.020.243.338
3. Người mua trả tiền trước	313		163.161.471.097	49.714.982.276
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	139.329.614	3.711.206.254
5. Phải trả người lao động	315		5.121.472.290	7.086.231.546
6. Chi phí phải trả	316	V.15	12.368.893.525	10.423.645.555
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	44.451.903.315	41.065.155.456
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		710.060.849	(408.118.892)
II. Nợ dài hạn	**330**		**31.280.533.140**	**50.490.322.105**
3. Phải trả dài hạn khác	333		622.038.500	569.182.500
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	30.447.369.342	49.661.830.070
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		211.125.298	259.309.535
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**280.401.217.593**	**286.251.311.221**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.18**	**280.401.217.593**	**286.251.311.221**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.634.500.000	99.634.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		144.032.786.110	144.032.786.110
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.315.281.096)	(7.315.281.096)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(303.463.086)	(1.177.841.454)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.321.889	10.929.501.328
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.030.952.085	2.521.541.805
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.935.502.772	10.188.205.609
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		27.437.898.919	27.437.898.919
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**692.229.450.851**	**626.193.804.266**

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SA VIMEX

Bùi Ngọc Quới
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	245.723.525.462	188.196.557.392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(113.671.594)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		245.609.853.868	188.196.557.392
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	216.464.151.601	167.616.027.735
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**29.145.702.267**	**20.580.529.657**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.617.595.895	11.477.602.211
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.867.810.070	10.509.748.927
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.388.421.062*	*5.059.371.912*
8. Chi phí bán hàng	24		5.384.308.834	3.826.611.115
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.259.981.339	21.027.048.186
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.251.197.919**	**(3.305.276.360)**
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.511.985.615	4.523.114.443
12. Chi phí khác	32	VI.6	521.475.044	33.006.352
13 Lợi nhuận khác	**40**		**990.510.571**	**4.490.108.091**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**2.241.708.490**	**1.184.831.731**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	740.573.645	335.307.933
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**1.501.134.845**	**849.523.798**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**61**	**VI.8**	**157**	**88**

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SA VIMEX

Bùi Ngọc Quới
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	**2.241.708.490**	**1.184.831.731**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	4.661.361.703	4.969.249.578
- Các khoản dự phòng	03	120.428.927	4.212.007.836
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.241.053.566)	(5.932.863.263)
- Chi phí lãi vay	06	1.388.421.062	5.059.371.912
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	***08***	**7.170.866.616**	**9.492.597.794**
- Tăng các khoản phải thu	09	(9.155.752.528)	(3.220.234.748)
- Tăng hàng tồn kho	10	(25.141.821.353)	(36.389.952.746)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	120.906.181.716	(9.506.669.110)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.648.074.910)	(277.560.055)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.777.985.017)	(4.994.318.810)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.014.239.323)	(1.077.018.262)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	329.000.000	3.739.434.398
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.119.843.972)	(4.340.406.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**84.548.331.229**	**(46.574.127.701)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(8.013.649.319)	(4.538.525.571)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	7.272.727	-
8. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.243.868.853	5.786.196.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(6.762.507.739)**	**1.247.671.025**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	126.476.529.477	123.137.229.887
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(174.291.498.668)	(123.640.794.021)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.685.784.600)	(4.816.215.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	**(54.500.753.791)**	**(5.319.779.134)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**23.285.069.699**	**(50.646.235.810)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**71.593.131.813**	**93.455.179.046**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(434.183.616)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**94.444.017.896**	**42.808.943.236**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Trong kỳ, Công ty có nhận khoản tiền góp vốn xây dựng chung cư Ngọc Lan từ Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina với giá trị 12.883.984.864 đồng. Dòng tiền này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả khác cho bên góp vốn liên doanh, do đó, một khoản tiền tương ứng được tăng lên ở khoản mục nợ phải trả (chỉ tiêu đã trên Báo cáo Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SA VIMEX

Bùi Ngọc Quới
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2001 về việc chuyển đổi Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex thành Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần các lần sửa đổi.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 5 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là : 99.634.500.000 đồng, tổng số cổ phần là 9.963.450 đơn vị với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

Chi nhánh:

Tên chi nhánh:	Địa chỉ
- Xí nghiệp trang trí nội thất (Savidecor).	234 Trường Sơn, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp. HCM
- Trung tâm xây dựng và kinh doanh địa ốc (Savihome).	194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
- Nhà máy tinh chế đồ gỗ xuất khẩu (Satimex)	Nguyễn Ảnh Thủ, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. HCM
- CN Công ty Cổ Phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex - Xí nghiệp sản xuất bao bì (Savipack)	162 Đường HT 17, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. HCM

Ngày 30/05/2012, Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex - Trung tâm dịch vụ quản lý cao ốc Savimex giải thể, chuyển giao toàn bộ tài sản và sổ sách cho Trung tâm xây dựng và kinh doanh địa ốc (Savihome) theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex.

Công ty con:

Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi

- Địa chỉ: 234 Trường Sơn, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0305029275, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Hoạt động chính: chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm gỗ, mua bán nguyên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị chế biến và sản phẩm gỗ.
- Vốn điều lệ: 8.094.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 68,4%.
- Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: 68,4%.

Công ty liên kết:

Công ty Liên doanh Champa-Savi

- Địa chỉ: Cây số thứ 12 Quốc lộ 13, Bản Huổi Sệt, Huyện Bachieng, Tỉnh Chanpasak, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- Hoạt động chính: sản xuất và tinh chế đồ gỗ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.
- Vốn đã góp của các bên tham gia liên doanh: 15.350.681.234,96 kíp.
- Vốn đã góp của Công ty: 12.662.040.741 đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49,00%.
- Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: 49,00%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh trong nước và xuất khẩu ;
- Sản xuất kinh doanh trong nước và xuất khẩu gỗ chế biến, sản phẩm gỗ;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị chế biến gỗ và sản phẩm gỗ;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp và nông lâm ngư nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, kinh doanh nhà ở;
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo qui định của pháp luật;
- Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Quản lý dự án công trình;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất và mua bán bao bì giấy (không sản xuất tại trụ sở);
- In trên bao bì (không in trên kim loại); và
- Dịch vụ quản lý bất động sản.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá xuất kho tính theo phương pháp bình quân gia quyền;

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 35
Máy móc và thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 – 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và tài sản cố định vô hình khác là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 8 đến 10 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản chi phí trả trước dài hạn:

- Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ, chi phí thiết bị văn phòng không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính;
- Chi phí quảng cáo, môi giới cho các dự án bất động sản được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 15 tháng;
- Chi phí thuê đất cho dự án di dời nhà máy sản xuất chờ phân bổ theo thời gian còn lại của dự án khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Vốn góp liên doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản mà không thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận như một khoản phải trả cho bên liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Bảng Cân đối kế toán. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại này phù hợp với quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009, trong đó quy định xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ có sự khác biệt với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	467.677.441	533.999.994
Tiền gửi ngân hàng	42.734.340.455	14.899.931.819
Các khoản tương đương tiền	51.242.000.000	56.159.200.000
Cộng	**94.444.017.896**	**71.593.131.813**

2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư XD & May Thêu Tân Tiến	5.094.736.390	5.094.736.390
Công ty CP BĐS Điện Lực Sài Gòn Vina	86.095.666	-
Công ty CP Đồ gỗ Savi	-	3.511.639.214
Ban quản lý dự án Khu dân cư Bình Hòa	861.243.924	671.258.924
Dự án Lào	458.407.820	428.508.361
Công ty CP đầu tư Chứng khoán BSC	48.854.905	49.428.386
Thuế thu nhập cá nhân	19.609.361	174.646.822
Hàng cho mượn	-	427.263.073
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	136.256.309
Các đối tượng khác	713.013.046	628.718.256
Cộng	**7.281.961.112**	**11.122.455.735**

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	(34.918.372.523)	(22.094.610.784)
Trích lập dự phòng trong kỳ	65.237.857	(1.628.222.578)
Tại ngày 30 tháng 06	**(34.853.134.666)**	**(23.722.833.362)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động thương mại với tỷ lệ từ 50% đến 100%.

4. Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	54.627.549.117	57.558.733.031
Công cụ, dụng cụ	567.831.669	170.780.540
Sản phẩm dở dang	18.550.605.437	18.715.038.719
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm:	279.624.398.606	264.613.472.387
- Công trình trang trí nội thất	*1.522.688.558*	*1.575.699.355*
- Sửa chữa trường Cán bộ	*184.108.055*	*184.108.055*
- Dự án khu sinh thái Tuyền Lâm - Đà Lạt	*3.656.035.212*	*3.656.035.212*
- Dự án Đào Trí - Q7	*69.240.408.488*	*69.240.408.488*
- Khu dân cư Tân Thới Hiệp - Q.12	*396.961.347*	*396.961.347*
- Khu dân cư Phú Thuận - Q.7	*495.440.188*	*465.063.784*
- Khu dân cư Bình Trị Đông - H. Bình Chánh	*1.024.425.646*	*46.350.646*
- Khu dân cư Phú Mỹ - Q.7	*100.022.912.863*	*82.234.518.143*
- Chung cư Nguyễn Phúc Nguyên - Q.3	*3.794.968.249*	*3.794.968.249*
- Chung cư Ngọc Lan - Q.7	*99.286.450.000*	*103.019.359.108*
Thành phẩm	26.122.396.543	16.142.433.794
Hàng hóa	1.287.867.464	2.409.934.610
Hàng gửi đi bán	3.971.565.598	-
Hàng hóa bất động sản	668.407.891	668.407.891
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**385.420.622.325**	**360.278.800.972**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.197.563.686)	(2.197.563.686)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	**383.223.058.639**	**358.081.237.286**

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	137.666.080	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp	2.869.153.570	2.901.668.565
Cộng	**3.006.819.650**	**2.901.668.565**

6. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	**20.307.744**	-
Tạm ứng cho nhân viên	**1.722.021.757**	**1.170.327.401**
- Tại văn phòng Công ty	309.922.565	203.645.000
- Nhà máy Satimex	489.008.500	231.123.000
- Xí nghiệp trang trí nội thất - Savidecor	815.589.726	539.759.401
- Xí nghiệp sản xuất bao bì - Savipack	107.500.966	44.800.000
- Trung tâm XD & KD địa ốc - Savihome	-	151.000.000
Ký quỹ ký cược	**197.076.018**	**105.963.046**
- Tiền gửi có kỳ hạn dùng làm tài sản đảm bảo	189.877.847	98.764.875
- Các khoản ký quỹ khác	7.198.171	7.198.171
Cộng	**1.939.405.519**	**1.276.290.447**

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	53.123.666.349	55.376.093.143	9.090.870.825	2.577.291.806	514.003.908	120.681.926.031
Tăng trong kỳ	4.307.750.071	3.599.649.248	-	-	-	7.907.399.319
Phân loại lại	-	13.714.286	-	-	(13.714.286)	-
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	(31.856.800)	(31.856.800)
Tại ngày 30/06/2012	57.431.416.420	58.989.456.677	9.090.870.825	2.577.291.806	468.432.822	128.557.468.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	29.134.196.188	33.831.028.295	5.993.117.024	2.105.976.997	333.315.178	71.397.633.682
Khấu hao trong kỳ	1.736.497.027	2.240.209.946	345.411.178	121.948.499	24.342.722	4.468.409.372
Phân loại lại	-	11.047.611	-	-	(11.047.611)	-
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	(21.768.786)	(21.768.786)
Tại ngày 30/06/2012	30.870.693.215	36.082.285.852	6.338.528.202	2.227.925.496	324.841.503	75.844.274.268
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	**23.989.470.161**	**21.545.064.848**	**3.097.753.801**	**471.314.809**	**180.688.730**	**49.284.292.349**
Tại ngày 30/06/2012	**26.560.723.205**	**22.907.170.825**	**2.752.342.623**	**349.366.310**	**143.591.319**	**52.713.194.282**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 17.619.732.620 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng chờ thanh lý và tài sản không sử dụng: 12.111.298.559 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	4.020.325.500	2.484.107.949	6.504.433.449
Tăng trong kỳ	-	106.250.000	106.250.000
Tại ngày 31/12/2012	4.020.325.500	2.590.357.949	6.610.683.449
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			-
Tại ngày 01/01/2012	223.322.729	1.101.182.632	1.324.505.361
Hao mòn trong kỳ	-	131.876.789	131.876.789
Tại ngày 31/12/2012	223.322.729	1.233.059.421	1.456.382.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	**3.797.002.771**	**1.382.925.317**	**5.179.928.088**
Tại ngày 31/12/2012	**3.797.002.771**	**1.357.298.528**	**5.154.301.299**

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại Nhà máy Satimex có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 3.797.002.771 đồng được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho khoản vay ngắn hạn như một tài sản đảm bảo, theo như thuyết minh V.13.

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 1 tháng 1 và 31 tháng 12 năm 2012	3.515.187.507	3.515.187.507
KHẤU HAO LUỸ KẾ		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.527.857.140	1.527.857.140
Khấu hao trong kỳ	61.075.542	61.075.542
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.588.932.682	1.588.932.682
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	**1.987.330.367**	**1.987.330.367**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**1.926.254.825**	**1.926.254.825**

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện giá trị xây dựng 1.936.218.974 đồng đối với ba tầng: 3, 4 và 5 thuộc tòa cao ốc 194 Nguyễn Công Trứ hiện đang được Công ty cho thuê.

Ngoài ra, Công ty còn đang sở hữu căn nhà số 2 Phó Đức Chính, quận 1 với nguyên giá mua ban đầu là 1.578.968.533 đồng hiện đang được Công ty cho thuê. Theo thuyết minh số V.13, căn nhà này đang được thế thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh như một khoản thế chấp cho các khoản nợ vay ngắn hạn.

Công ty không trình bày giá trị hợp lý của quyền sử dụng đất lâu dài nêu trên do không thể thu thập được thông tin từ thị trường một cách đáng tin cậy để áp dụng các phương pháp kỹ thuật xác định giá trị hợp lý.

10. Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty con và liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên Công ty	30/06/2012		01/01/2012	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị đầu tư VND
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi	68,40%	5.536.000.000	68,40%	5.536.000.000
Cộng		**5.536.000.000**		**5.536.000.000**
Công ty liên kết				
Công ty Liên doanh Champa-Savi	49%	12.662.040.741	49%	12.662.040.741
Cộng		**12.662.040.741**		**12.662.040.741**

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Khoản dự phòng đầu tư vào Công ty Liên doanh Champa-Savi	2.199.965.773	2.249.819.073
Khoản dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi	4.722.620.838	4.487.100.754
Cộng	**6.922.586.611**	**6.736.919.827**

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	50.942.042	7.467.607
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	164.082.700	169.814.662
Chi phí quảng cáo, môi giới cho dự án Ngọc Lan	445.130.335	59.097.455
Chi phí thuê đất tại KCN Nhị Xuân (*)	14.782.168.489	13.021.483.470
Cộng	**15.442.323.566**	**13.257.863.194**

(*) Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Nhị Xuân, Hóc Môn phục vụ việc xây dựng nhà máy mới và tái cấu trúc hoạt động sản xuất của Công ty. Chi phí này sẽ được phân bổ vào chi phí khi nhà máy mới đi vào hoạt động theo thời gian còn lại của thời gian thuê đất.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN TP. HCM	17.701.590.813	44.256.487.300
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam CN TP. HCM	58.536.726.131	60.582.338.107
Cộng	**76.238.316.944**	**104.838.825.407**

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

a. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư USD	Số dư VND Hay quy đổi ra VND
00310/2012/000009 3 ngày 17/01/2012	8 tháng	Theo thời điểm	100.000.000.000		17.089.320.511
				29.397,00	612.270.302

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 382/70 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021008/93890 ngày 27/08/2008).
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 02 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2008/93890 ngày 27/08/2008).
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ của bên Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu - Savimex tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.
- Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu - Savimex và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

b. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư USD	Số dư VND Hay quy đổi ra VND
0401/KH/09NH ngày 29/10/2009	6 tháng	Theo thời điểm	80.000.000.000		51.004.873.529
0401/KH/09NH ngày 29/10/2009	6 tháng	Theo thời điểm	80.000.000.000	361.621,44	7.531.852.602

Tài sản đảm bảo:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 553359 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 33.602m2.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	634.453.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.135.999.598
Thuế thu nhập cá nhân	67.365.608	195.964.987
Thuế nhà thầu nước ngoài	71.964.006	-
Thuế khác	-	- 744.787.865
Cộng	**139.329.614**	**3.711.206.254**

15. Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sang nhượng quyền sử dụng đất của dự án Bình Trị Đông	9.000.000.000	9.000.000.000
Trích trước chi phí trang trí dự án Ngọc Lan	2.822.614.800	743.959.600
Trích trước lãi vay phải trả	-	389.563.955
Trích trước giá vốn công trình Everich	112.740.518	-
Chi phí phải trả khác	433.538.207	290.122.000
Cộng	**12.368.893.525**	**10.423.645.555**

Chi phí sang nhượng quyền sử dụng đất của dự án Bình Trị Đông là chi phí trích trước khoản 10% giá trị quyền sử dụng đất mua từ Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh Niên Xung Phong (CINCO). Khoản chi phí trích trước này được vốn hóa vào giá trị công trình Bình Trị Đông để tính giá thành sản phẩm trong kỳ.

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	133.686.202	1.246.813.542
Kinh phí công đoàn	368.077.201	155.630.448
Bảo hiểm thất nghiệp	8.242.968	94.994.218
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Dự án Lào	-	-
Công ty CP BĐS Điện lực Vina	40.451.629.731	36.614.853.472
Phải trả, phải nộp khác	3.490.267.213	2.952.863.776
Cộng	**44.451.903.315**	**41.065.155.456**

17. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN TP. HCM	30.447.369.342	49.661.830.070

Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trong năm thứ nhất	-	-
Trong năm thứ hai	7.611.842.335	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	22.835.527.007	49.661.830.070
Cộng	**30.447.369.342**	**49.661.830.070**

Thông tin về khoản vay dài hạn

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư VND
00310/2009/0001290 ngày 15/12/2009	48 tháng	lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng + 3,4%/năm	100.000.000.000	30.447.369.342

Tài sản đảm bảo:
- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ dự án Công trình Ngọc Lan.

17. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN TP. HCM	30.447.369.342	49.661.830.070

Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trong năm thứ nhất	-	-
Trong năm thứ hai	7.611.842.335	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	22.835.527.007	49.661.830.070
Cộng	**30.447.369.342**	**49.661.830.070**

Thông tin về khoản vay dài hạn

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư VND
00310/2009/0001290 ngày 15/12/2009	48 tháng	lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng + 3,4%/năm	100.000.000.000	30.447.369.342

Tài sản đảm bảo:
- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ dự án Công trình Ngọc Lan.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	**99.634.500.000**	**144.032.786.110**	**(5.459.004.954)**	**672.942.053**	**9.471.484.522**	**8.082.093.329**	**27.437.898.919**	**10.102.688.587**	**293.975.388.566**
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	6.570.253.204	6.570.253.204
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	(1.850.783.507)	-	-	-	-	(1.850.783.507)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.856.276.142)	-	-	-	-	-	(1.856.276.142)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.458.016.806	868.582.148	-	(2.326.598.954)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
- Chi thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	-	-	-	-	-	-	-	(630.800.000)	(630.800.000)
- Chia cổ tức năm 2010								(4.830.115.000)	(4.830.115.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.626.355.900)	-	-	(3.626.355.900)
- Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	(2.802.777.772)	-	2.802.777.772	-
Tại ngày 01/01/2012	**99.634.500.000**	**144.032.786.110**	**(7.315.281.096)**	**(1.177.841.454)**	**10.929.501.328**	**2.521.541.805**	**27.437.898.919**	**10.188.205.609**	**286.251.311.221**
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	1.501.134.845	1.501.134.845
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	874.378.368	-	-	-	-	874.378.368
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.018.820.561	509.410.280	-	(1.528.230.841)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.528.230.841)	(1.528.230.841)
- Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	(6.697.376.000)	(6.697.376.000)
Tại ngày 30/06/2012	**99.634.500.000**	**144.032.786.110**	**(7.315.281.096)**	**(303.463.086)**	**11.948.321.889**	**3.030.952.085**	**27.437.898.919**	**1.935.502.772**	**280.401.217.593**

18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước - đại diện bởi Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn	13.500.000.000	13.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	86.134.500.000	86.134.500.000
Cộng	**99.634.500.000**	**99.634.500.000**

c. Cổ phần

	30/06/2012 Cổ phần	01/01/2012 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép ban hành	**9.963.450**	**9.963.450**
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	**9.567.680**	**9.963.450**
+ Cổ phần thường	9.567.680	9.963.450
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	**-**	**395.770**
+ Cổ phần thường	-	395.770
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**9.567.680**	**9.567.680**
+ Cổ phần thường	9.567.680	9.567.680
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

d. Cổ tức

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi trả cổ tức	6.685.784.600	4.830.115.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	***245.723.525.462***	***188.196.557.392***
- Doanh thu bán hàng, thành phẩm	199.587.382.188	163.222.491.685
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.204.985.358	11.007.044.036
- Doanh thu bán hàng, trang trí nội thất	5.743.844.841	12.168.781.671
- Doanh thu bán bất động sản	37.187.313.075	1.798.240.000
- Doanh thu bất động sản đầu tư	-	
Các khoản giảm trừ doanh thu	***(113.671.594)***	-
- Hàng bán trả lại của hoạt động bất động sản	-	-
- Hàng bán trả lại của hoạt động trang trí nội thất	-	-
- Hàng bán trả lại của hoạt động sản xuất	-	-
- Giảm giá hàng bán	(113.671.594)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**245.609.853.868**	**188.196.557.392**

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	178.578.173.796	145.961.931.948
Giá vốn cung cấp dịch vụ	409.770.704	10.642.966.905
Giá vốn bán hàng, trang trí nội thất	6.130.625.163	-
Giá vốn bán bất động sản	31.250.608.796	10.950.052.751
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	94.973.142	61.076.131
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	**216.464.151.601**	**167.616.027.735**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.243.868.853	5.932.863.263
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	373.727.042	5.486.547.598
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	58.191.350
Cộng	**1.617.595.895**	**11.477.602.211**

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí lãi vay	1.388.421.062	5.059.371.912
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	185.666.784	2.345.785.258
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.293.722.224	3.104.591.757
Cộng	**2.867.810.070**	**10.509.748.927**

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn liên doanh	-	3.849.224.480
Thu hồi công nợ đã xóa sổ	-	643.280.000
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	30.000.000
Công nợ phải trả treo lâu năm	1.501.385.888	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	7.272.727	-
Thu nhập khác	3.327.000	609.963
Cộng	**1.511.985.615**	**4.523.114.443**

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí sản xuất bù hàng cho Homedesk Kurogane	-	33.006.352
Xử lý công nợ phải thu không có đối tượng	146.583.469	-
Tiền phạt thuế chậm nộp Saviwood tồn đọng	95.531.784	-
Tiền phạt vi phạm Bảo vệ môi trường	207.500.000	-
Chi phí thanh lý tài sản	10.088.014	
Chi phí khác	61.771.777	-
Cộng	**521.475.044**	**33.006.352**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chí phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	740.573.645	335.307.933
Cộng	**740.573.645**	**335.307.933**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là số thuế tạm tính trên kết quả sản xuất kinh doanh của giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2012. Thuế thu nhập hiện hành bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh bất động sản được tính theo tỷ lệ 25% trên số lợi nhuận tính thuế của hoạt động này.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.501.134.845	849.523.798
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.567.680	9.660.230
Lãi cơ bản trên cổ phần	**157**	**88**

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.540.834.110	127.457.506.780
Chi phí nhân công	55.264.089.888	41.130.099.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.595.486.161	4.906.173.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.664.588.599	12.921.977.692
Chi phí khác bằng tiền	2.518.109.358	3.474.576.853
Chi phí dự phòng	1.525.333.658	2.579.352.707
Cộng	**243.108.441.774**	**192.469.687.036**

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trong năm thứ nhất	1.636.206.003	1.680.032.948
Trong năm thứ hai	1.592.379.056	1.636.206.003
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.053.277.273	4.645.656.329
Cộng	**6.281.862.332**	**7.961.895.280**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 26.101 m2 tại cụm Công nghiệp Nhị Xuân với giá thuê đất tạm tính 13.000 đồng/m2/năm nhân với hệ số vị trí đất tại từng lô. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2007.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kì Công ty đã có các giao dịch với các bên có liên quan:

Nội dung	Mối quan hệ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi (*)	Công ty con	
Mua lại hàng tồn kho		767.025.018
Mua lại tài sản		4.321.868.455
Cung cấp dịch vụ trang trí nội thất công trình Sacomreal		3.413.474.837

(*) Trong giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012, Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi đang thực hiện các thủ tục giải thể Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex mua lại các tài sản của Công ty con.

Số dư với các bên có liên quan:

Khoản mục	Mối quan hệ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Phải trả		
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi	Công ty con	5.242.507.220

3. Các cam kết không hủy ngang

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: 056/HĐ-EVNLSG-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Điện Lực Sài Gòn Vina và Công ty Cổ Phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex về việc hợp tác đầu tư dự án chung cư Ngọc Lan tại phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cam kết góp 50% vốn chủ đầu tư tham gia vào dự án. Hai bên sẽ tiến hành chia sản phẩm từ dự án bao gồm các căn hộ và diện tích sàn kinh doanh thương mại theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%.

Theo hợp đồng góp vốn đầu tư số: 01/SAV/HĐ-NL ngày 12 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ Phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex và Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn về việc hợp tác đầu tư xây dựng Chung cư Ngọc Lan, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn cam kết góp vốn cùng thực hiện dự án. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn góp vốn tương ứng với giá trị của 76 căn hộ (tương đương 6.832 mét vuông) với giá chưa thuế là 17.000.000 đồng/m2. Tổng giá trị vốn góp cam kết là 127.758.400.000 đồng. Năm 2008, Công ty đã bán cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn 70% diện tích theo cam kết (tương đương 4.782,4 m2) với giá 17.000.000 đồng/mét, tổng giá trị là 81.300.800.000 đồng. Theo các phụ lục hợp đồng và biên bản thỏa thuận đã ký, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn sẽ trả lại 76 căn hộ chung cư Ngọc Lan khi có bên thứ 3 đồng ý mua lại các căn hộ nói trên, đồng thời Công ty phải trả lại cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn chi phí sử dụng vốn 12%/năm tương ứng với số tiền mà Công ty đã nhận được từ năm 2008 đến thời điểm trả lại căn hộ.

S.Đ.K.K.D:4105000432-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SA VIMEX
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Bùi Ngọc Quới
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Chi nhánh tại Hải Phòng:
Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:
No 4, Nguyen Trai street, May To ward,
Ngo Quyen district, Hai Phong city.
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:
181 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10,
Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh.
ĐT: 08. 3 845 5082 | Fax: 08. 3 845 5083
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:
181 Nguyen Van Troi street, 10 ward,
Phu Nhuan district, Ho Chi Minh city.
Tel: (84) 8 3 845 5082 | Fax: (84) 8 3 845 5083
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hải Dương:
Số 95 Đỗ Ngọc Du, Phường Thanh Bình,
TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3 897 031 | Fax: 0320. 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

Representative office in Hai Duong:
No 95, Do Ngoc Du street, Thanh Binh ward,
Hai Duong city, Hai Duong province.
Tel: (84) 320 3 897 031 | Fax: (84) 320 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

• *www.ifcvietnam.com.vn*